

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm tích cực nhưng hạ nhiệt vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và ngân hàng với thanh khoản cải thiện

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước diễn biến tích cực ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn

[Thông tin doanh nghiệp]

PLX, LAS

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị thực hiện bán trading một phần vị thế ngắn hạn tại vùng kháng cự và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn

11/01/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,055.76	+0.23
VN30	1,065.22	+0.44
HĐTL VN30F1M	1,062.70	+0.58
HNXIndex	211.67	+0.49
HNX30	353.26	+1.06
UPCoM	72.37	-0.15
USD/VND	23,450	-0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.67	-0
Lãi suất qua đêm (%)	5.40	+26
Dầu (WTI, \$)	74.58	-0.72
Vàng (LME, \$)	1,882.24	+0.28



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,055.76 (+0.23%)
KLGD (triệu CP) 508.2 (+26.8%)
GTGD (triệu US\$) 377.7 (-8.8%)

TTCK tăng điểm tích cực nhưng hạ nhiệt vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và ngân hàng với thanh khoản cải thiện. Khối ngoại mua ròng, tập trung ở CTG (+1.9%), FUEVFNVD (-0.4%), VIC (+1.1%).

HNXIndex 211.67 (+0.49%)
KLGD (triệu CP) 58.7 (+10.1%)
GTGD (triệu US\$) 35.6 (+32.1%)

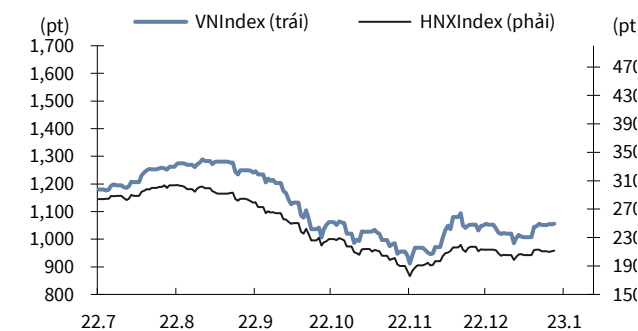
Ngày 1/1, 12 gói thầu đầu tiên tại cao tốc Bắc-Nam giai đoạn 2 đã chính thức được khởi công. Bên cạnh đó, 13 gói thầu còn lại tại cao tốc Bắc-Nam giai đoạn 2, đường vành đai 3 Tp.HCM và vành đai 4 Hà Nội cũng sẽ dự kiến bắt đầu thi công trong nửa đầu năm 2023 (VCG +0.78%; CTR +2.1%)

UPCoM 72.37 (-0.15%)
KLGD (triệu CP) 23.2 (-12.8%)
GTGD (triệu US\$) 11.0 (-14.7%)

Năm 2022 xuất khẩu cá tra Việt Nam đã bứt phá mạnh mẽ với kỷ lục 2.4 tỷ USD. Sau đỉnh dịch, lượng tồn kho còn nhiều, sản xuất chế biến hồi phục, nhu cầu trên các thị trường đều tăng (FMC +2.43%; ACL +0.44%)

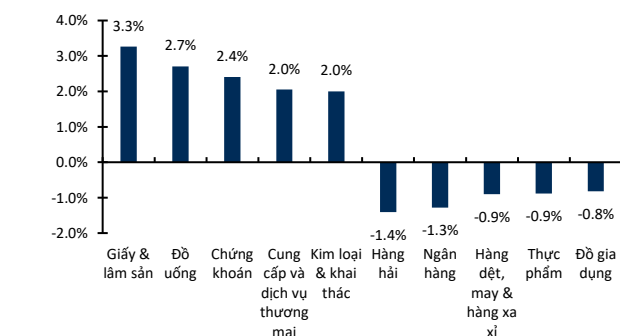
NDTTN mua ròng (triệu US\$) +11.5

VNIndex & HNXIndex



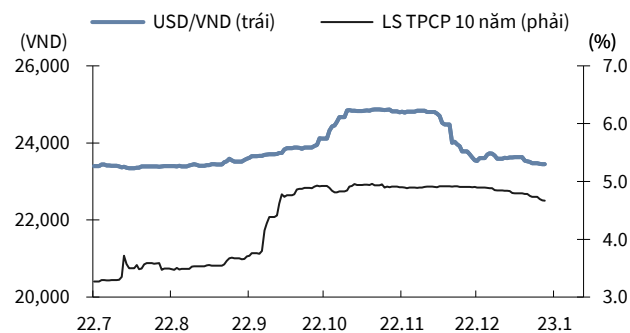
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



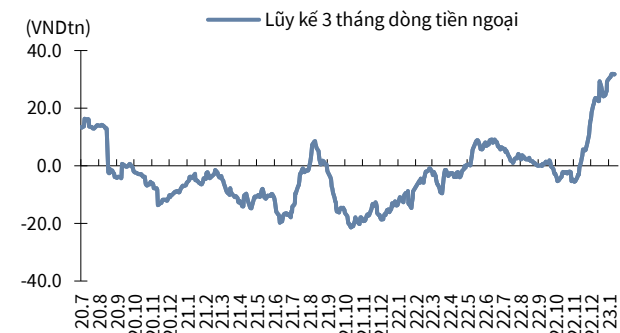
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

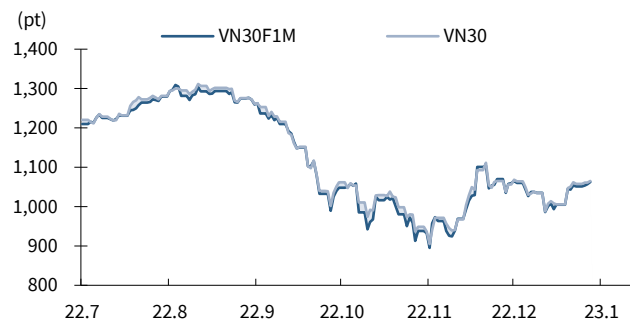
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,065.22 (+0.44%)
VN30F1M	1,062.7 (+0.58%)
Mở cửa	1,061.9
Cao nhất	1,073.0
Thấp nhất	1,060.6

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước diễn biến tích cực ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Chênh lệch F2301 và chỉ số VN30 tăng lên 2.27 điểm, mức cao nhất vào đầu phiên sáng sau đó đảo chiều và biến động với biên độ âm trong khoảng -0.7 đến -0.69 điểm và đóng cửa ở mức -2.52 điểm. Khối lượng giao dịch giảm trong phiên hôm nay.

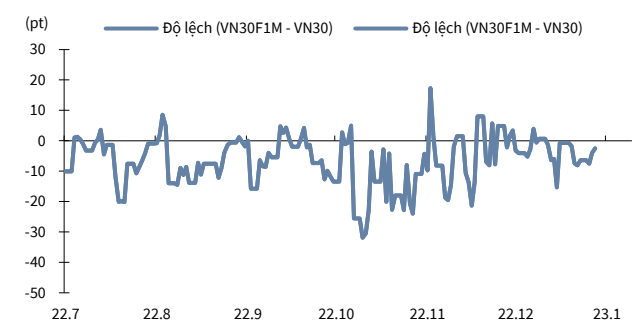
KLGD (HĐ) **262,277 (-10.2%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



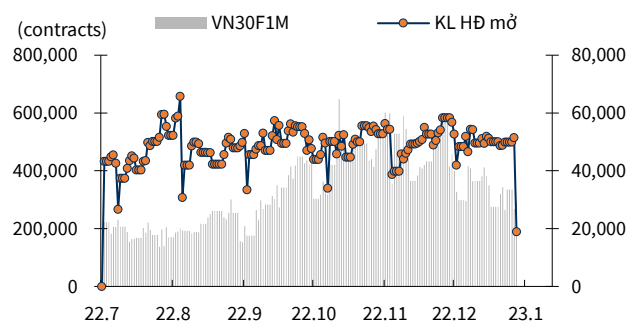
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



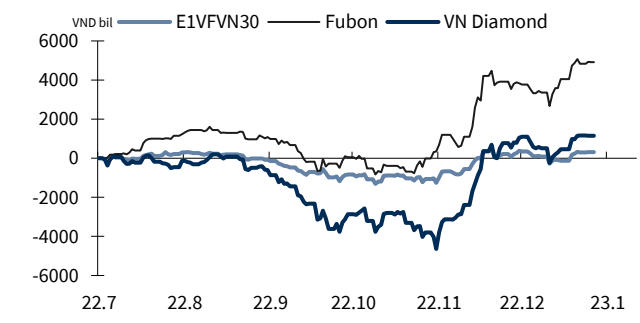
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

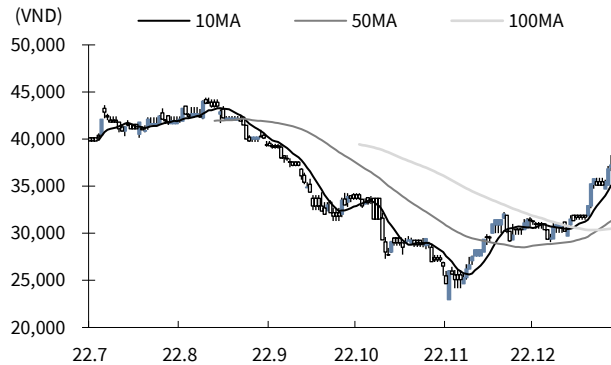
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

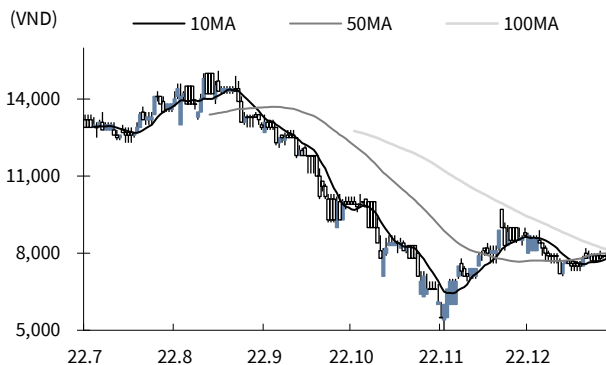
Petrolimex (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 1.1% lên 37,250 VND/cp
- Petrolimex ước kết quả kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận trước thuế đạt 2,068 tỷ đồng, giảm 45%YoY, doanh thu hợp nhất 300,000 tỷ đồng, tăng 78% YoY và tổng sản lượng xuất bán hợp nhất đạt 13.8 triệu m3/tấn, tương đương 113% kế hoạch và bằng 111% so với năm trước.

Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (LAS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- LAS đi ngang 7,900 VND/cp
- Năm 2022, Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao công bố lợi nhuận trước thuế 102 tỷ đồng (+20% YoY0 và doanh thu 3,257 tỷ đồng, tăng 12% YoY và là kết quả cao nhất kể từ năm 2019.
- Tính riêng quý IV, lợi nhuận trước thuế của LAS ước đạt 17 tỷ và doanh thu 747 tỷ đồng, tương ứng tăng 55% và giảm 15% với quý IV/2021.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi suy yếu và hạ dần độ cao về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quanh ngưỡng kháng cự gần 1060 (+5) đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn đang có phần lấn át, vùng hỗ trợ gần quanh 1040 (+5) được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý cho VNIndex.
- NĐT được khuyến nghị thực hiện bán trading một phần vị thế ngắn hạn tại vùng kháng cự và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1077 - 1080

Kháng cự gần: 1067 - 1070

Hỗ trợ gần: 1054 - 1058

Hỗ trợ xa: 1042 - 1047

- F1 tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi suy yếu và hạ dần độ cao về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quanh ngưỡng kháng cự gần 106x đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn đang có phần lấn át, vùng hỗ trợ gần quanh 104x được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý cho F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

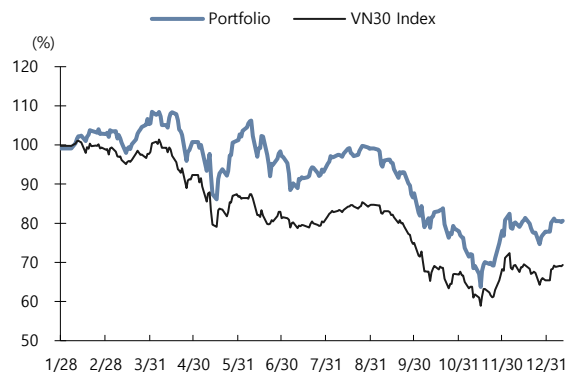
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.44%	0.42%
Tăng lũy kế (YTD)	-30.64%	-19.38%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/01/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	42,550	0.8%	10.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Bình Sơn Refinery (BSR)	30/06/2022	14,400	-0.7%	-49.5%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	86,800	-1.4%	51.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	112,000	0.4%	-41.7%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,500	0.7%	145.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	80,900	0.6%	233.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,100	1.9%	53.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	104,200	-0.4%	42.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	20,200	2.0%	81.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	25,000	0.2%	143.3%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	1.9%	27.9%	47.6
FUEVFNVD	-0.4%	97.3%	43.0
VIC	1.1%	12.9%	30.0
VHM	2.1%	24.4%	28.6
VND	2.4%	22.1%	22.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	-2.5%	23.6%	-79.7
VNM	-2.0%	55.9%	-72.2
DGC	-0.2%	17.6%	-3.8
BID	-0.1%	17.2%	-11.7
FRT	-1.5%	27.6%	-15.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	3.4%	0.8%	16.3
CEO	1.0%	1.2%	2.5
SHS	2.3%	6.3%	1.2
MBS	2.2%	0.7%	1.0
HUT	-0.7%	1.2%	0.8
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	1.4%	8.1%	-0.1
VCS	1.1%	3.1%	-0.1
IVS	1.7%	72.2%	-0.0
NRC	2.1%	4.8%	-0.0
ONE	0.0%	12.1%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	14.0%	DHC, HAP, HHP, VID
Cung cấp và dịch vụ thương mại	6.2%	TLG, ILB, APC, ST8
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	5.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Đồ uống	5.4%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	4.6%	TNH, JVC, VMD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-4.9%	TDP, SVI, MCP, TPC
Thương mại & phân phối	-4.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	-4.7%	PVD, PVT
Hóa chất	-4.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-2.5%	MWG, FRT, CTF, HAX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	22.0%	PLX, PGC, CNG, GSP
Giấy & lâm sản	15.6%	DHC, HAP, HHP, VID
Cung cấp và dịch vụ thương mại	14.5%	TLG, ILB, APC, ST8
Cơ sở hạ tầng & vận tải	8.9%	GMD, LGC, CII, HAH
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	8.3%	PVD, PVT
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị điện	-9.5%	GEX, SAM, CAV, RAL
Tập đoàn công nghiệp	-9.2%	REE, BCG, PET, EVG
Quản lý & phát triển bất động sản	-8.9%	VHM, VIC, NVL, BCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-7.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hóa chất	-6.9%	GVR, DGC, DPM, DCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	125,366 (5.3)	22.5	25.7	35.2	14.7	7.0	5.3	2.0	1.9	1.1	-1.6	-	18.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	105,511 (4.5)	26.6	6.9	5.9	35.9	22.3	21.4	1.4	1.2	2.1	3.7	-6.1	5.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	70,881 (3.0)	17.8	25.9	17.9	-7.6	7.8	10.6	2.0	1.9	-3.1	-0.3	-1.4	8.4
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	323,799 (13.7)	31.3	5.0	3.7	6.7	10.8	13.1	0.5	0.3	6.8	6.4	-	10.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	49,233 (2.1)	11.6	17.0	15.1	13.7	11.1	11.4	1.7	1.6	0.7	0.9	-6.5	6.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	145,027 (6.1)	13.9	9.6	11.1	-	8.3	6.4	0.7	0.6	6.4	-1.1	-7.0	4.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	111,851 (4.7)	6.3	14.7	12.8	11.7	20.6	18.7	3.0	2.5	-2.5	2.8	10.1	6.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	66,297 (2.8)	12.7	13.2	10.2	-5.3	18.1	18.8	2.1	1.7	-0.1	1.1	5.2	6.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	142,822 (6.0)	0.0	4.6	4.4	14.3	20.8	17.8	0.9	0.7	0.7	1.3	-2.1	7.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	98,244 (4.2)	1.4	8.6	7.4	50.3	16.5	17.9	1.3	1.2	1.9	2.1	3.7	6.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	453,625 (19.2)	0.0	7.0	7.5	18.8	20.4	16.1	1.2	1.1	-1.3	-2.4	9.2	3.1
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	165,261 (7.0)	0.0	4.6	4.2	14.6	25.2	22.8	1.0	0.8	0.3	1.7	0.3	6.7
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	42,820 (1.8)	4.2	5.2	4.8	23.3	23.2	20.9	1.1	0.9	-0.3	2.1	-0.6	4.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	446,589 (18.9)	14.0	-	-	26.5	13.5	16.6	1.2	1.0	-1.0	6.0	10.3	9.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	126,988 (5.4)	0.0	6.3	5.7	37.4	20.3	18.3	1.1	0.9	-0.2	2.0	-0.2	6.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	89,933 (3.8)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	-6.8	-3.5	17.5	-6.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	26,204 (1.1)	21.0	21.7	18.4	15.8	7.8	9.0	1.6	1.6	1.3	1.9	1.5	4.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,076 (0.2)	14.2	11.9	10.6	9.1	12.8	13.7	1.1	1.0	-0.4	5.1	10.7	10.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	334,996 (14.2)	55.4	14.1	16.4	-3.2	9.8	8.1	-	-	2.1	1.6	-4.7	9.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	162,167 (6.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	4.0	8.5	2.8	17.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	122,066 (5.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.2	5.5	3.6	14.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	402,073 (17.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	2.4	2.8	-4.8	9.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	155,994 (6.6)	42.1	19.8	17.5	4.0	26.5	29.6	4.9	4.8	-2.0	0.1	-0.8	4.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	31,845 (1.3)	36.9	22.3	20.2	7.3	23.5	22.8	4.8	4.2	2.8	5.5	1.7	8.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	74,336 (3.2)	16.5	30.6	23.2	-51.9	11.1	14.4	3.6	3.4	0.6	-3.3	-1.0	3.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,129 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	1.4	-7.2	5.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	37,479 (1.6)	11.0	288.2	34.7	-88.5	3.5	13.0	-	-	0.9	-0.3	-1.3	0.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	13,253 (0.6)	10.8	16.2	13.4	-57.0	14.1	15.1	2.1	1.9	-0.9	3.3	-0.3	4.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	54,459 (2.3)	38.4	4.2	20.8	65.7	16.0	3.0	0.6	0.6	0.0	1.1	-2.1	8.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	226,123 (9.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.0	0.0	-	17.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	14,604 (0.6)	3.6	-	15.8	-52.4	-0.8	2.0	0.3	-	0.0	0.4	-3.7	7.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	26,243 (1.1)	0.0	10.0	10.7	-4.5	17.4	14.2	1.7	1.5	0.7	-0.8	-9.4	1.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	26,512 (1.1)	46.1	14.0	14.5	-17.5	25.3	22.1	3.4	3.1	-0.4	-0.8	-1.7	2.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	15,660 (0.7)	31.4	9.9	8.7	-10.5	19.8	19.9	-	-	1.4	-6.1	3.4	-0.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	964 (0.0)	34.1	15.1	7.7	-5.1	6.2	11.7	-	-	0.4	4.2	3.0	7.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	520,485 (22.1)	18.0	12.5	10.5	21.9	10.6	12.0	1.2	1.1	2.0	4.1	5.2	12.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	68,099 (2.9)	36.5	3.4	5.1	-0.5	38.3	23.7	1.2	1.1	-1.1	-7.4	-3.0	-3.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	56,727 (2.4)	46.5	3.6	5.9	-4.5	45.7	22.8	1.5	1.3	-0.2	-4.4	-8.4	-1.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	188,337 (8.0)	38.9	11.3	6.5	67.9	6.3	10.0	0.7	0.6	1.9	3.6	1.2	13.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	14,666 (0.6)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.7	1.1	-3.0	5.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,809 (1.1)	4.6	78.2	16.9	-51.0	4.9	10.5	2.0	1.9	1.1	5.7	22.5	17.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	96,386 (4.1)	39.9	-	27.8	-11.9	-0.8	2.9	0.8	0.8	0.3	-1.3	12.2	5.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	51,311 (2.2)	35.9	8.4	7.9	2.2	14.6	14.7	1.2	1.0	-1.9	-9.3	3.0	-7.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	95,140 (4.0)	0.0	13.7	11.4	14.4	20.1	19.9	2.4	2.2	0.8	-2.2	-7.9	-0.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	18,726 (0.8)	0.0	16.1	14.2	2.4	24.5	22.2	3.3	2.8	-1.4	-2.5	3.4	-3.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	768 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	-8.0	-	-3.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	42,275 (1.8)	30.3	20.2	18.1	-75.2	22.0	20.7	4.0	3.4	-1.5	-4.6	-	-4.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	19,212 (0.8)	34.6	6.4	7.4	41.2	28.7	22.5	1.7	1.6	0.3	-3.1	-	1.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	566 (0.0)	45.4	12.6	11.9	10.7	22.0	21.1	2.8	2.5	1.4	2.3	5.0	4.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	69,226 (2.9)	0.0	16.7	14.2	15.5	27.4	28.1	4.1	3.5	0.6	1.1	3.7	5.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Nguyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.